TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:08/2020/HS-ST
Ngày: 28/4/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Trưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Rô

Bà Nguyễn Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Rine – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên tòa: Bà Tăng Thị Thơm - Kiểm sát viên.

TrOg ngày 28 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:05/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2020;Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/HSST-QĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:09/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn Hiếu T sinh năm 1999; tại Trà Vinh.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm A, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: khóm A, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm hồ; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; cO ông Trần Văn H sinh năm 1968 và bà Lê Thị U sinh năm 1969; vợ cO chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: không; ngày 09-12-2019 bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

2. Trần Văn O sinh năm 1969; tại Bạc Liêu.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Cây G, xã Long Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; nơi cư trú: không xác định được; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; cO ông Trần Văn P sinh năm 1949 và bà Phạm Thị Đ sinh năm 1950;

vợ cO chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tốt; ngày 11-12-2019 bị cáo bị tạm giam cho đến nay; có mặt.

- *Bị hại:*

1/. Bà Tăng Thị Hồng Đ sinh năm 1991; Nơi cư trú ấp P, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/. Bà Tăng Thị Hồng T sinh năm 1990; Nơi cư trú ấp LOg Đ, xã T, thị xã Di, tỉnh Trà Vinh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Ông Trần Văn H sinh năm 1968;Nơi cư trú khóm A, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trOg hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 03/10/2019 bị cáo T rủ bị cáo O đi lấy trộm cá ở Chợ thị xã D thuộc khóm A, phường B, thị xã D thì bị cáo O đồng ý. Bị cáo T điều khiển xe mô tô 84AE-005.21 chở bị cáo O đến đầu Chợ thị xã D và cùng đi vào vựa cá của bà Đ, bị cáo T dùng đoạn sắt nại nắp tH cá màu cam lấy 02 cO cá Lạc; 04 con cá Bóp và 01 con cá Đuối, còn bị cáo O dùng tay mở nắp tH màu cam lấy 02 bịt cá khô Lu Đù. Sau khi lấy cá xong bị cáo T phát hiện có camera của bà T gắn ở gần đó nên bị cáo T nói với bị cáo O đi vào bẻ camera vì sợ sáng người ta phát hiện việc mình trộm, bị cáo O giữ cá vừa trộm được để bị cáo T bẻ camera; bị cáo T đứng thùng bẻ 01 cái camera, còn 02 cái lại do cao bị cáo T bẻ không được nên kêu bị cáo O trèo lên bẻ tiếp 02 cái camera. Sau khi bẻ xong bị cáo T và O lấy đoạn sắt và 03 camera ném xuống sông Long T. Sau đó đem số cá trộm được đến chợ phường A, thị xã D bán được với số tiền 1.200.000 đồng rồi chia đều cho nhau.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐG ngày 07/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản kết luận tổng giá trị tài sản trộm cắp là 3.835.000 đồng; tài sản bị hủy hoại là 2.250.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Trần Văn H là cha ruột của bị cáo T đồng ý khắc phục cho bị hại số tiền 5.750.000 đồng và đã giao nhận xong. Trong số tiền 5.750.000 đồng thì bị cáo O gởi ông H khắc phục 1.500.000 đồng, ông H khắc phục 4.250.000 đồng. Ông H không yêu cầu bị cáo O phải trả thêm và cũng không yêu cầu bị cáo T phải trả lại số tiền 4.250.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 03/CT-VKS-HS ngày 06/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải truy tố các bị cáo Trần Văn Hiếu T và Trần Văn O, về tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều173 của Bộ luật Hình sự và tội *"Hủy hoại tài sản"* quy định tại điểm đ khoản 2 Điều178 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo T và bị cáo O đều khai nhận hành vi trộm cắp tài sản và hủy hoại tài sản như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Các bị cáo thống nhất về kết luận định giá của Hội đồng định giá.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; điểm đ khoản 2 Điều 178; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 17 và 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn Hiếu T từ 06 tháng đến 09 tháng về tội "Trộm cắp tài sản" và từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội "Hủy hoại tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; điểm đ khoản 2 Điều 178; b, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17 và 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn O từ 06 tháng đến 09 tháng về tội "Trộm cắp tài sản" và từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù tù về tội "Hủy hoại tài sản".

Bị cáo T và bị cáo O thống nhất theo bản luận tội của Kiểm sát viên, không phát biểu ý kiến tranh luận.

Bị cáo T và bị cáo O nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và thấy rằng các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không khiếu nại về hành vi, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Vì vậy, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo T và O tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do cơ quan điều tra thu thập được. Trên cơ sở đánh giá, xem xét toàn diện các chứng cứ có đủ căn cứ để kết luận: khoảng 22 giờ ngày 03/10/2019 bị cáo T rủ bị cáo O đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số 84AE – 005.21 chở bị cáo O đến đến vựa cá của bà Đ ở Chợ thị xã D thuộc khóm A, phường B, thị xã D, sau đó cả hai cùng lấy trộm 02 cO cá Lạc 02kg, 04 cO cá Bóp 9,8kg, 01 con cá Đuối 6,2kg và 02 bịt khô cá Lù Đù 06kg; sau khi các bị cáo thực hiện hành vi lấy trộm tài sản xong, bị cáo T thấy camera của bà T gắn ở gần đó sợ bị phát hiện hành vi trộm cắp tài sản nên bị cáo T bẻ 01 cái camera và kêu bị cáo O bẻ 02 cái camera, sau đó các bị cáo đem các camera và đoạn sắt nại tH cá ném xuống sông Long T và đem số

cá trộm được bán lấy tiền chia nhau; tài sản lấy trộm được tổng cộng giá trị là 3.835.0000 đồng và tài sản hủy hại có tổng giá trị 2.250.000 đồng.

[3] Các bị cáo T và O là người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, nhận biết việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và vì muốn che giấu tội trộm mà hủy hoại tài sản của người khác; tài sản các bị cáo trộm được là 3.835.000 đồng và hủy hoại là 2.250.000 đồng. Do đó hành vi của bị cáo T và bị cáo O đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và tội "Hủy hoại tài sản" theo điểm đ khoản 2 Điều 178 Bộ luật hình sự.

[4] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo T và O là nguy hiểm cho xã hội. Vì lòng tham các bị cáo lợi dụng đêm khuya thực hành vi trộm cắp tài sản, song để che giấu hành vi trộm cắp tài sản các bị cáo đã bẻ các camera để tránh sự phát hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác; gây hoang mang trOg nhân dân và làm mất trật tự xã hội tại địa phương. Do đó cần phải xử lý nghiêm, cần cách ly các bị cáo T và O ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định đủ thời gian cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về vai trò, nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp và ở dạng đồng phạm giản đơn, không có tổ chức. Bị cáo T là người có vai trò tích cực nhất thể hiện từ việc rủ rê bị cao O thực hiện hành trộm cắp tài sản, dùng xe mô tô chở bị cáo O đi trộm cắp tài sản, cùng thực hiện lấy trộm tài sản và đi bán tài sản để chia nhau tiêu xài và chính bị cáoT là người kêu bị cáo O cùng hủy hoại tài sản là bẻ các camera để tránh sự phát hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo O là người có nhân thân xấu khi đã bị Tòa án xét xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp tài sản", vừa được xóa án tích nhưng bị cáo không biết ăn năn, hối cải mà tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và hủy hoại tài sản và bị cáo cũng nhận tiền bán tài sản trộm được.

[6] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T tác động gia đình để bồi thường cho các bị hại với số tiền 4.250.000 đồng và bị cáo O bồi thường số tiền 1.500.000 đồng cho bị hại, bị cáo T có bác ruột là người có công với cách mạng; tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo T được xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và bị cáo O được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về áp dụng hình phạt: Phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích đúng tính chất, mức độ, vai trò, vị trí và hậu quả của hành vi phạm tội cũng như nhân thân của từng bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Quan điểm buộc tội của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với các tình tiết và các tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận và xét thấy cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt như đại diện Viện

kiểm sát đề nghị nhằm cho các bị cáo hưởng sự khoan hồng của pháp luật, nếu tái phạm sẽ bị nghiêm trị.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý xong nên không xét đến.

[9] Về trách nhiệm dân sự: các bị hại bà Đ và bà T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H không có yêu cầu nên không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí giảm án phí và không thuộc trường hợp không phải nộp án phí nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn Hiếu T và Trần Văn O phạm tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Hủy hoại tài sản" .

Căn cứ khoản 1 Điều 173 và điểm đ khoản 2 Điều 178 của Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Hiếu T 07 (bảy) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và xử phạt bị cáo Trần Văn Hiếu T 02 (hai) năm 01(một) tháng tù về tội "Hủy hoại tài sản".

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo Trần Văn Hiếu T phải chấp hành là 02 (hai) năm 08 (tám) tháng tù. Thời gian phạt tù của bị cáo Trần Văn Hiếu T được tính từ ngày chấp hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 173 và điểm đ khoản 2 Điều 178 của Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn O 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và xử phạt bị cáo Trần Văn O 02 (hai) năm về tội "Hủy hoại tài sản".

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo Trần Văn O phải chấp hành là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 11-12-2019.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thi, miễn, giảm, thu thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Trần Văn Hiếu T và Trần Văn O mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại bà Đ, bà T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Trưng